

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày : 31-5-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh

2. Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 10/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 9 Nguyễn ĐC, Phường A, TP. Tân An, tỉnh Long An.

2. **Bị đơn:**

1/ Ông Long, sinh năm 1961

2/ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số 43/38/13 Cao VL, Phường D, TP. Tân An, tỉnh Long An.
(*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 4/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Ngày 12/12/2023 ông Đ có cho ông L và bà T vay số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất vay 3%/tháng.

Ngày 02/02/2024 ông Đ có cho ông L và **bà T** vay số tiền 25.000.000đ, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất vay 3%/tháng.

Tổng cộng số tiền ông Long, **bà T** đã mượn của ông Đ là 45.000.000đ. Khi mượn tiền ông L, **bà T** đều có viết và ký tên vào giấy mượn tiền. Tất cả số tiền vay này đều đã đến hạn thanh toán, ông Đ có yêu cầu vợ chồng ông L, **bà T** trả tiền gốc và lãi, nhưng đến nay vẫn không trả. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa Án buộc vợ chồng ông Long, **bà T** trả cho số tiền vốn vay 45.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Chứng cứ là các bản sao “Giấy mượn tiền”; Giấy báo phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông L, **bà T** không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không tham gia các phiên tòa.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay gốc là 45.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** có địa chỉ tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Căn cứ điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Đơn khởi kiện; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập ông L, **bà T** đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Long, **bà T** không đến nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Long, **bà T** là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay là 45.000.000 đồng. Căn cứ xác lập giao dịch là các “Giấy mượn tiền” ngày 12/12/2023 ông L, **bà T** có mượn 20.000.000đồng và ngày 02/02/2024 ông L, **bà T** mượn

25.000.000đồng, thời hạn trả trong tháng. Hợp đồng vay được xác lập giữa ông Đ với ông L, **bà T** là hợp đồng vay có kỳ hạn và không lãi suất, ông L và bà **Nguyễn Thị T** có viết và ký tên người mượn tiền. Ông Đ cho rằng từ khi nhận tiền cho đến nay ông L, **bà T**, không thanh toán khoản tiền nào cho ông. Tất cả các giấy mượn tiền này đều ghi thời hạn trả là trong tháng, nhưng ông L, **bà T** vẫn không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ.

Theo xác minh của Công an Phường 5, thành phố Tân An, ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 43/38/13 Cao VL, Phường D, thành phố Tân An, tỉnh Long An, ông L, **bà T**, hiện đã bán nhà. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật tại nơi cư trú cuối cùng của ông L, **bà T** về việc ông Đ yêu cầu vợ chồng ông L, **bà T** trả cho ông Đ số tiền vay còn thiếu, nhưng ông Long, **bà T** vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình, chứng tỏ ông L, **bà T** đã cố tình vắng mặt. Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Do đó, căn cứ vào Giấy mượn tiền có chữ ký của ông L, **bà T**, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, cần buộc vợ chồng ông L, **bà T** trả cho ông Đ số tiền vốn vay 45.000.000 đồng.

[3] Về phương thức trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 45.000.000đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn không có ý kiến về phương thức trả nợ nên cần buộc ông L, **bà T** có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 45.000.000đồng một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T**.

Buộc ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Ông Võ Văn L và bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 2.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 0001572 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP. Tân An;
- Chi cục THADS TP. Tân An;
- Người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Phạm Thị Thu Hương